

BỘ Y TẾ  
HỌC VIỆN YDCT VIỆT NAM

Số: 592 /QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành đề án tuyển sinh sau đại học năm 2024**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ TT 03/2022/TT- BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Cục Khoa học công nghệ và đào tạo Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú năm 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2003/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Về việc hướng dẫn chuyển đổi văn bằng giữa các văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

## QUYẾT ĐỊNH

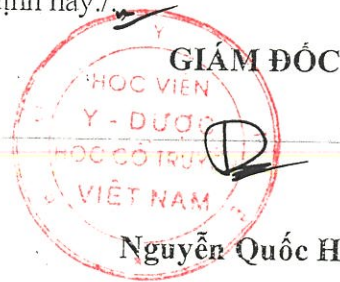
**Điều 1.** Ban hành Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2024 của Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam (có Đề án kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán, Hành chính - Tổng hợp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.



**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024**

*(Kèm theo quyết định số: 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)*

**I. Thông tin chung**

**I. 1. Tên cơ sở đào tạo: Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam**

**I. 2. Mã trường: HYD**

**I. 3. Địa chỉ trụ sở:** Số 2, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**I.4.Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:** [www.vutm.edu.vn](http://www.vutm.edu.vn)

**I.5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):**

Địa chỉ trang Fanpage của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam:

<https://www.facebook.com/hvydvn/>

**I.6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>.

**I.7. Giá trị cốt lõi, tầm nhìn, sứ mạng của Học viện**

**I.7.1. Giá trị cốt lõi của Học viện**

Thừa kế - Phát triển; Đoàn kết – sáng tạo; Chất lượng – Hiệu quả.

- **Thừa kế- Phát triển:** Thừa kế kiến thức của nhân loại về hóa dược, của cha ông về y học cổ truyền, kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền trong phát triển nghề dược hiện đại để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người.

- **Đoàn kết-Sáng tạo:** Có sáng tạo mới tìm ra những cái mới trong khoa học kỹ thuật, trong y học, để phục vụ đời sống, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người. Sáng tạo là nền tảng tạo ra các phát minh, ứng dụng thiết thực, giúp người học có thể thích ứng và quản lý tốt những thay đổi trong môi trường công việc ở tương lai.

- **Chất lượng- Hiệu quả:** là khái niệm cho thấy khả năng thoả mãn nhu cầu của các bên liên quan trong đào tạo và nghiên cứu của Học viện. Đánh giá chất lượng của một cơ sở giáo dục phải đứng trên quan điểm của sinh viên và nhà tuyển dụng. Học viện sử dụng chất lượng như là một công cụ có thể đo lường chỉ số hài lòng của các bên liên quan của Học viện

### **I.7.2. Tầm nhìn, sứ mạng của Học viện**

\* **Sứ mạng:** Đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên sâu về Y học cổ truyền, Y khoa, Dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; nghiên cứu khoa học, thừa kế, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; chuyển giao tri thức, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu phục vụ xã hội và đất nước.

\* **Tầm nhìn:** Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

## **I.8. Tổ chức nhân lực**

### **I.8.1. Tổ chức**

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam; Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

### I.8.2. Nhân lực:

Tính đến ngày 31/12/2023 Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	2	0	2
2	Phó Giáo sư	16	0	0	16	0	32
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ hoặc tương đương	52	0	0	129	0	181
5	Thạc sĩ	169	0	0	178	0	346
6	Đại học	8	0	0	0	0	8
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	245	0	0	325	0	570

## II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng tuyển sinh và đào tạo Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

### II.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 22.739m<sup>2</sup>
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: Không
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 2,9m<sup>2</sup>/1 sinh viên.

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	30	4209
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5	886,6
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	16	1587,3
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	226
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	253,1
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	4	124,25
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1132
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	10398
	<b>Tổng</b>	<b>49</b>	<b>14607</b>

### II.2. Điều kiện bảo đảm chất lượng khác

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam: <http://vutm.edu.vn/vi/ba-cong-khai.nl.html>

Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vutm.edu.vn/vi/tuyen-sinh-sau-dai-hoc.nl.html>

Đường link công khai Quy chế đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện:

<http://vutm.edu.vn/vi/quy-che-dao-cao-tao.nl.html>

Đường link công khai CDR đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vutm.edu.vn/vi/cac-chuan-dau-ra-431.nl.html>

Đường link công khai Chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vutm.edu.vn/vi/khung-chuong-trinh-dao-cao-tao-de-cuong-chi-tiet-429.nl.html>

Đường link công khai Thông tin thư viện trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://thuvien.vutm.edu.vn/>

Đường link công khai Thông tin Luận văn luận án trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://vutm.edu.vn/vi/dao-cao-tao-sau-dai-hoc.nl.html>

## **II.3. Nguồn lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

*II.3.1. Cơ sở thực hành của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.  
(Phụ lục 1)*

*II.3.2. Danh sách giảng viên của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam*

- Danh sách giảng viên cơ hữu . *(Phụ lục 2)*

- Danh sách giảng viên thỉnh giảng . *(Phụ lục 3)*

---

## **III. Tuyển sinh và kết quả đào tạo sau đại học năm 2018-2023**

**III.1. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ:**

<b>Đối tượng, thời gian (năm)</b>	<b>Số thí sinh dự tuyển (người)</b>	<b>Số trúng tuyển (người)</b>	<b>Tỷ lệ cạnh tranh</b>	<b>Số nhập học thực tế (người)</b>
<b>1.Nghiên cứu sinh</b>				
2019	0	0		0
2020	0	0		0
2021	1	1		0
2022	4	3		3
2023	5	4		4
<b>2. Học viên cao học</b>				
2019	72	72		64
2020	58	58		58
2021	48	48		48
2022	28	28		28
2023	29	28		28
<b>3.CKI YHCT</b>				
2019	138	138		138
2020	134	134		134
2021	120	120		120
2022	141	141		141
2023	157	149		147



<b>Đối tượng, thời gian (năm)</b>	<b>Số thí sinh dự tuyển (người)</b>	<b>Số trúng tuyển (người)</b>	<b>Tỷ lệ cạnh tranh</b>	<b>Số nhập học thực tế (người)</b>
<b>4. CKII YHCT</b>				
2019	1	1		1
2020	32	32		32
2021	14	14		14
2022	14	14		14
2023	33	33		33
<b>5. BSNT</b>				
2019	0	0		0
2020	6	6		4
2021	3	3		6
2022	4	4		3
2023	8	7		7
<b>6. CKI CC</b>				
2023	7	7		7
<b>7. CKI DL-DHCT</b>				
2023	3	3		3

### III.2. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Đối tượng	Năm tốt nghiệp					
	2018	2019	2020	2021	2022	2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	2	0	0	0	0	1
2. Học viên tốt nghiệp cao học	32	39	26	39	52	59
3. Chuyên khoa 1 YHCT	23	109	150	137	133	128
4 Chuyên khoa 2 YHCT	6	3	14	10	33	14
5 Bác sĩ nội trú	0	0	0	0	06	4

### III. 3. Quy mô đào tạo sau đại học thời điểm xác định năng lực và chỉ tiêu tuyển sinh

Đối tượng	Quy mô	Dự kiến tốt nghiệp	Dự kiến chỉ tiêu
1. Nghiên cứu sinh	7	0	8
2. Học viên thạc sĩ	110	27	50
2.1. Học viên thạc sĩ định hướng nghiên cứu	110	27	30
2.2. Học viên thạc sĩ định hướng ứng dụng			20
3. Chuyên khoa 1 YHCT	282	141	160
4 Chuyên khoa 2 YHCT	47	14	60
5 Bác sĩ nội trú	17	3	10

6. Chuyên khoa 1 Châm cứu	7	0	15
7. Chuyên khoa 1 Dược liệu - Dược học cổ truyền	3	0	15

#### **IV. Thông tin tuyển sinh**

##### **IV.1. Căn cứ pháp lý xác định năng lực và chỉ tiêu tuyển sinh**

*Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ TT 03/2022/TT- BGD-ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.*

*Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;*

*Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;*

*Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;*

*Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

*Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Cục Khoa học công nghệ và đào tạo Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2003/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Bộ Giáo dục và đào tạo và Bộ Y tế Về việc hướng dẫn chuyển đổi văn bằng giữa các văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);*

## IV.2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Đối tượng	Dự kiến chỉ tiêu	Thi tuyển	Xét tuyển
1. Nghiên cứu sinh	09	0	08
2. Học viên thạc sĩ	50	43	07
2.1. Học viên thạc sĩ định hướng nghiên cứu	30	23	07 (áp dụng đối với BSNT khóa 7 Học viện YDHCTVN)
2.2. Học viên thạc sĩ định hướng ứng dụng	20	20	00
3. Chuyên khoa 1 YHCT	160	160	00
4 Chuyên khoa 2 YHCT	60	60	00
5 Bác sĩ nội trú	10	10	00
6. Chuyên khoa 1 Châm cứu	15	15	00
7. Chuyên khoa 1 Dược liệu - Dược học cổ truyền	15	15	00

## IV.3. Tuyển sinh trình độ Tiến sĩ

### IV.3.1. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 3-4 năm

### IV.3.2. Phương thức và số lần tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
- Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.

### **IV.3.3. Điều kiện dự tuyển:**

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền loại giỏi trở lên hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ngành Y học cổ truyền.

- Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học lĩnh vực Y học cổ truyền đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu, dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

- Ứng viên là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ Đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải

đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

#### **IV.3.4. Hồ sơ xét tuyển**

- a) Đơn xin xét tuyển (*theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển*)
- b) Lý lịch khoa học.
- c) Bản sao văn bằng, bảng điểm công chứng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ, tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7; Chứng chỉ, bảng điểm ngoại ngữ công chứng.
- d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 của điều kiện dự tuyển.
- đ) Đề cương nghiên cứu (*theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển*), bài luận; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.
- e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.
- g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
- h) Giấy xác nhận thời gian công tác (Đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ);
- i) Các giấy tờ khác gồm có: Bản sao giấy khai sinh; 04 ảnh 3x4 và 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận; Giấy chứng nhận sức khỏe; Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng; Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);

g) Giấy chấp thuận hướng dẫn của người dự kiến hướng dẫn: Được sự đồng ý chấp thuận hướng dẫn bằng văn bản của người dự kiến hướng dẫn đủ tiêu chuẩn theo quy chế, quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.

h) Lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn

#### **IV.3.6. Điều kiện xét tuyển và trúng tuyển**

##### **IV.3.6.1. Điều kiện xét tuyển: căn cứ tiêu chí xét tuyển**

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ của ứng viên dự tuyển: phải đạt tất cả các tiêu chí xét (Phụ lục 4)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu, kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa, báo cáo tổng quan và phỏng vấn báo cáo đề cương đánh giá năng lực của ứng viên dự tuyển tối đa 10 điểm, các mục thành phần phải có điểm (không có mục nào điểm 0), tổng điểm phải đạt từ 5,0 điểm. Trong đó điểm phần 1 (nội dung khoa học) phải đạt từ 3,5 điểm trở lên (Phụ lục 4)

##### **IV.3.6.2. Xét trúng tuyển:**

- Căn cứ kết quả phần 1 và kết quả phần 2 từ cao xuống thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu tuyển sinh.

- Trường hợp ứng viên có tổng điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 2. Nữ .

#### **IV.4. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ định hướng nghiên cứu**

##### **IV.4.1. Đối tượng và điều kiện dự thi**

Đối tượng dự thi là công dân Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học Y chuyên ngành khác có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học y chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo



xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu tốt nghiệp từ hạng khá trở lên (đối với người có bằng tốt nghiệp đại học y chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại khá trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học) hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập và nghiên cứu.

- Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (Phụ lục 5).

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

## **IV.4.2. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh**

### ***IV.4.2.1. Xét tuyển:***

- Áp dụng đối với các ứng viên là BSNT khóa 7 Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đăng ký tuyển sinh chương trình Thạc sĩ định hướng nghiên cứu đáp ứng đủ điều kiện tại mục IV.4.1

- Các ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục IV.4.1 đối với người nước ngoài .

### ***IV. 4.2.2. Thi tuyển***

- Tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục IV.4.1 (trừ BSNT khóa 7 Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam).

### ***IV.4.3. Số lần tuyển sinh và địa điểm tuyển sinh***

- Tuyển sinh: 2 lần/năm.

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội.

## **IV.4.3. Các môn thi tuyển sinh**

### ***IV.4.3.1. Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:***

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

- Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Bệnh học Y học cổ truyền.

#### **IV.4.3.2. Xét tuyển**

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ ứng viên (Phụ lục 6)
- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên (Phụ lục 6)

#### **IV.4.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm**

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
  - Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
  - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

#### **IV.4.5. Điều kiện trúng tuyển**

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

##### **IV.4.5.1. Xét tuyển chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu:**

- Phần 1: Hồ sơ đạt yêu cầu quy định tại phần IV.4.1
- Phần 2: Tổng điểm phải đạt từ 7.0 điểm trở lên

- Căn cứ kết quả xét tuyển xếp thứ tự đến hết chỉ tiêu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. Các đối tượng ưu tiên; 4. nữ.

#### ***IV. 4.5.2. Thi tuyển chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu:***

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. nữ.

#### ***IV. 4.5.3. Hình thức đào tạo:*** Tập trung 02 năm

### **IV.5. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng**

#### **IV.5.1. Đối tượng và điều kiện dự thi**

Đối tượng dự thi là công dân Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học Y chuyên ngành khác có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học y chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền;

- Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (Phụ lục 5).

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

#### **IV.5.2. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh**

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam và xét tuyển đối với ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- Tuyển sinh: 2 lần/năm.

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội.

#### **IV.5.3. Các môn thi tuyển sinh**

Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh ĐDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

- Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh ĐDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Bệnh học Y học cổ truyền.

#### **IV.5.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm**

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì)
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
  - Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
  - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ)
12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

#### **IV.5.5. Điều kiện trúng tuyển**

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

#### **IV.5.6 Hình thức đào tạo: Chính quy**

### **IV.6. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền**

#### **IV.6.1. Điều kiện dự thi**

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền hoặc tương đương.

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền. Đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 (theo Thông tư số 41/2011/TT-BYT) cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

#### **IV.6.2. Hình thức đào tạo: chính quy**

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trong 05 năm.

---

#### **IV.6.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết cụ thể như sau:**

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Sinh lý

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Y học cổ truyền.

#### **IV.6.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm**

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.
7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).  
Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
  - Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
  - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).
11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (bản sao công chứng hợp lệ).
12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

#### **IV.6.5. Điều kiện trúng tuyển**



- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên .

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

#### **IV.7. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Châm cứu**

##### **IV.7.1. Điều kiện dự thi**

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học nhưng phải kèm theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung ngành YHCT hoặc chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo ít nhất là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam. Hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hoặc bác sĩ y khoa và có thêm chứng chỉ định hướng chuyên khoa YHCT (hoặc chứng chỉ chuyên khoa định hướng YHCT hoặc chứng chỉ chuyên khoa sơ bộ YHCT hoặc chứng chỉ sơ bộ chuyên khoa YHCT hoặc chứng chỉ đào tạo liên tục định hướng chuyên khoa YHCT được tuyển sinh và đào tạo trước ngày 09 tháng 07 năm 2019, chứng chỉ đào tạo liên tục y học cổ truyền cơ bản với thời gian từ 06 tháng trở lên).

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT. Đối với những bác sĩ làm việc liên tục trong ngành YHCT từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự tuyển được đăng ký dự thi.

- Đủ sức khỏe học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa cấp I tại Việt Nam phải đảm bảo các điều kiện trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

#### **IV.7.2. Hình thức đào tạo:** chính quy

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.
- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trong 05 năm.

#### **IV.7.3. Các môn thi tuyển:** 02 môn thi viết

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Giải phẫu.
2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Y học cổ truyền.

#### **IV.7.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm**

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.
7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

#### **IV.7.5. Điều kiện trúng tuyển**

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

### **IV.7 Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền**

#### **IV.7.1. Điều kiện dự thi**

- Có bằng Dược sĩ đại học và có chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược hoặc có xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng sau tốt nghiệp Dược sĩ đại học.

- Đủ sức khỏe học tập và phục vụ lâu dài trong ngành y tế.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi (đối với thí sinh đang công tác tại cơ quan, đơn vị).

#### **IV.7.2. Hình thức đào tạo: chính quy**

Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

#### **IV.7.3. Các môn thi tuyển:** 02 môn thi viết

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Hóa phân tích

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Dược liệu và Dược cổ truyền

#### **IV.7.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm**

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.
7. Chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược (bản sao công chứng hợp lệ) hoặc có xác nhận thời gian làm việc thuộc lĩnh vực Dược tối thiểu 12 tháng sau tốt nghiệp Dược sĩ đại học.
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

---

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

#### **IV.7.5. Điều kiện trúng tuyển**

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

#### **IV.8. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền**

##### **IV.8.1. Điều kiện dự thi**

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: sau khi tốt nghiệp Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Y học cổ truyền.

##### **IV.8.2. Hình thức đào tạo**

- Hệ tập trung: Học tập trung liên tục 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập không quá 04 năm.

##### **IV.8.3. Các môn thi tuyển: hình thức thi viết**

1. Môn ngoại ngữ (thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết) : Một trong các ngoại ngữ: Anh, Trung. Mức độ đề thi tương đương trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 hoặc tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SĐH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Y học cổ truyền, trình độ Chuyên khoa I.

#### **IV.8.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm**

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Giấy khai sinh (Bản sao công chứng hợp lệ).
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ).

7. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (Bản sao công chứng hợp lệ)

8. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.

9. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm trình độ Đại học; Chuyên khoa I; Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp tại nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, Học vị (nếu có) (Bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bản sao công chứng hợp lệ).

10. Bằng tốt nghiệp khác, bảng điểm (Bản sao công chứng hợp lệ).

11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

#### **IV.8.5. Điều kiện trúng tuyển**

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo CKI cao hơn; 2. nữ.

#### **IV.9. Tuyển sinh trình độ Bác sĩ nội trú ngành y học cổ truyền**

##### **IV.9.1. Điều kiện dự tuyển:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền và đạt từ loại khá trở lên.

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên và chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá hai năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe, thai sản).

- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.

- Học viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, nếu có đủ các điều kiện trên được xét miễn thi tuyển.

#### **IV.9.2. Hình thức đào tạo**

- Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: Thi tuyển.

- Tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: 01lần/năm.

- Thời gian đào tạo: 03 năm.

- Học viên phải thường trú tại Học viện.

- Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con.

#### **IV.9.3. Các môn thi tuyển: Thi viết**



- Môn thi 1 (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Toán Thống kê.

- Môn thi 2: Ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết) (chọn một trong các ngoại ngữ: Anh, Trung văn, đề thi trình độ bậc 3/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam – Theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương).

- Môn thi 3 (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Chọn 1 trong 4 môn gồm: Giải phẫu; Sinh lý, Hóa sinh, Y sinh học di truyền. Ngay trước giờ thi đại diện thí sinh sẽ bốc thăm để chọn một trong bốn môn thi này, môn thi được chọn sẽ là môn thi thứ 3 cho tất cả thí sinh thi cùng đợt thi BSNT tại Học viện.

- Môn thi 4 (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Lý luận Y học cổ truyền.

- Môn thi 5 (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2024 quyết định): Nội Y học cổ truyền.

Thí sinh đạt trình độ bậc 3/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam – Theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được miễn thi ngoại ngữ.

#### **IV.9.4. Hồ sơ dự thi**

1. Phiếu đăng ký dự thi ghi rõ chuyên ngành xin học, môn ngoại ngữ dự thi và cam kết chấp hành phân công công tác sau khi tốt nghiệp (Theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của trường đại học.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe (dùng cho người đủ 18 theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 05 năm 2013).
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì) và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

6. Bản sao bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học (công chứng).
7. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, công chứng).
8. Chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ (nếu có, công chứng).

#### **IV.9.5. Điều kiện trúng tuyển**

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi chuyên ngành từ 7,0; đối với các môn thi còn lại đạt 5,0 trở lên và đạt trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo đại học cao hơn; 2. nữ.

### **V. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN**

Áp dụng đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, BSNT.

#### **2.1. Đối tượng ưu tiên**

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người có Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

**2.2. Mức ưu tiên:** Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10 điểm) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1 điểm) vào kết quả thi cho một trong hai môn thi (thang điểm 10).

***Ghi chú:***

- Các thí sinh thuộc diện ưu tiên đề nghị nộp giấy xác nhận ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền khi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ theo khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023 đối với đợt 1 và năm 2024 đối với các đợt thi sau đợt 1.

## **VI. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ**

### **VI.1. Đợt I năm 2024 (dự kiến)**

**VI.1.1.** Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 08/03/2024.

**VI.1.2.** Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00 ngày 15/ 03/ 2024 đến 16h30 ngày 06/ 05/ 2024.

**VI.1.3.** Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <http://saudaihoc.vutm.edu.vn/>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (theo hướng dẫn đính kèm).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội.

#### 3.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Đối với nghiên cứu sinh: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

#### ***Ghi chú:***

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

3.5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 27/05/2024.

3.6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

#### **VII.1.4. ÔN THI**

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 06/05/2024 đến 07/06/2024.

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo Sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

#### **VII.1.5. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM THI, XÉT TUYỂN**

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 15 - 16/06/2024.
- Ngày xét tuyển dự kiến: dự kiến ngày 27 - 28/06/2024
- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo Sau đại học.
- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2024 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>.

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

#### **VII.2. Đợt II năm 2024 (dự kiến)**

**VII.2.1.** Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 15/ 07/2024.

**VII.2.2.** Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00' ngày 02/ 08/ 2024 đến 16h30' ngày 19/ 9/ 2024.

**VII.2.3.** Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <http://saudaihoc.vutm.edu.vn/>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (*theo hướng dẫn đính kèm*).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội.

4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Đối với nghiên cứu sinh: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.
- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

**Ghi chú:**

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).
- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 30/9/2024

6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

### **VIII. ÔN THI**

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 19/09/2024

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo Sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

### **IX. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM THI**

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 18,19,20/10/2024.

- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.

- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

---

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2024 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

## **X. Công bố kết quả thi và dự kiến nhập học**

### **X.1. Công bố kết quả thi**

- Công bố kết quả thi: dự kiến đợt 1 trước 15/7/2024; Đợt 2 trước 15/11/2024

- Nhập học dự kiến đợt 1: 8/2024; Đợt 2: 11/2024

### **X.2. Quy trình nhập học, giám sát nhập học và hồ sơ nhập học:**

#### **X.2.1. Quy trình nhập học, giám sát nhập học: (Phụ lục 7)**

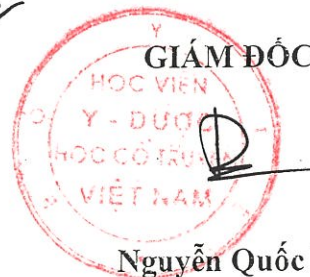
#### **X.2.2. Thủ tục hồ sơ nhập học:**

- Danh mục hồ sơ trúng tuyển nhập học (Phụ lục 8)

- Các khoản kinh phí cần nộp (Phụ lục 8)

### **X.3. Quy định về phương án, kế hoạch thanh tra và kiểm tra kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển tiến sĩ, thạc sĩ và các trình độ khác**

Quy định về phương án, kế hoạch thanh tra và kiểm tra kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển tiến sĩ, thạc sĩ và các trình độ khác thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024./.



Nguyễn Quốc Huy

**BÁO CÁO SỞ CƠ SỞ THỰC HÀNH  
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

TT	Ngành/ Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác			
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
<b>I</b>	<b>Tiến sỹ</b>									
<b>I</b>	<b>Tiến sỹ</b>									
1	Y học cổ truyền	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai							
		Bệnh viện YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương						
		Quân Đội	Chưa công bố							
<b>II</b>	<b>Thạc sỹ</b>									
		Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai					32 BV YHCT	Đang triển khai	



I	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương	tuyển tỉnh	
		Bệnh viện YHCT Quân Đội	Đang triển khai			
		Bệnh viện Châm cứu TW				
		BV 19.8	Đã công bố	BV 19-8		
		Bệnh viện Thanh Nhân	Đã công bố	Thanh Nhân		
III	<b>Đại học chính quy</b>					
	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai				
	BV YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương			
	BV YHCT Quân đội	Chưa công bố				
	BV Châm cứu TW	Đã công bố				
	BV YHCT Bộ CA	Đã công bố	YHCT Bộ Công an			
	BV ĐK YHCT Hà Nội	Đã công bố	ĐK YHCT Hà Nội			
	BV YHCT Hà Đông	Đã công bố	YHCT Hà Đông			

BV K TW									
BV Việt Đức	Đã công bố	<u>Việt Đức</u>							
BV Mắt TW									
BV Nhi TW	Đã công bố	<u>Nhi</u>							
BV TMH TW									
BV E	Đã công bố	<u>BV E</u>							
BV Nội tiết TW	Đã công bố	<u>Nội tiết</u>							
BV Da liễu TW	Đã công bố	<u>Da liễu</u>							
BV 19.8 - Bộ CA	Đã công bố	<u>BV 19-8</u>							
BV Phụ sản HN	Đã công bố								
BV Thanh Nhân	Đã công bố	<u>Thanh Nhân</u>							

Y học  
cổ  
truyền

BV Xanh Pôn	Đã công bố								
BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	<u>ĐK Hà Đông</u>							
BV PHCN HN	Đã công bố	<u>Bệnh viện PHCN</u>							
BV Đổng Đa	Đã công bố	<u>Đa khoa Đổng Đa</u>							
BV Tâm thần TW									
BV Việt Đức	Đã công bố	<u>Việt Đức</u>					BV Bạch Mã	Đã công bố	Bách Mai
BV Mắt TW									
BV Nhi TW	Đã công bố	<u>Nhi</u>							
BV TMH TW									
BV E	Đã công bố	<u>BV E</u>							
BV Nội tiết TW	Đã công bố	<u>Nội tiết</u>							
BV Da liễu TW	Đã công bố	<u>Da liễu</u>							
BV 19.8 - Bộ CA	Đã công bố	<u>BV 19-8</u>							
BV Phụ sản HN	Đang triển khai								
BV Thanh Nhàn	Đã công bố	<u>Thanh Nhàn</u>							
2 Y khoa									

BV Xanh Pôn	Đã công bố							
BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông						
BV ĐK YHCT Hà Nội	Đã công bố	ĐK YHCT Hà Nội						
BV PHCN HN	Đã công bố	Bệnh viện PHCN						
BV Đống đa	Đã công bố	Đa khoa Đống Đa						
BV Tâm thân TW								
BV Mắt Hà Đông	Đã công bố	Mắt Hà Đông						
BV Thanh Nhân	Đã công bố	Thanh Nhân						
BV Xanh Pôn	Đã công bố							
BV Đa khoa Hà Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông						
BV Ung Bướu Hà Nội	Đã công bố	Ung bướu HN						
Công ty Dược Khoa								
Công ty dược phẩm Mediplantex								
3	Dược học							

\* Danh sách 28 BV YHCT tuyển tình (Thực tập nghề nghiệp)

1. BV YHCT 15, BV YHCT Hòa Bình
2. BV YDCT 16, BV YHCT Điện Biên
3. BV YHCT 17, BV YHCT Lai Châu
4. BV YDCT 18, BV YHCT Lạng Sơn
29. Viện Y học dân tộc TP HCM
30. BV 175
31. BV Thủ Đức, TP HCM
32. BV YHCT Thái Bình

5. BV YHCT 119. BV YHCT Lào Cai
6. BV YDCT 120. BV YHCT Nam Định
7. BV YDCT 21. BV YHCT Nghệ An
8. BV YDCT 22. BV YHCT Ninh Bình
9. BV YDCT 23. BV YHCT Thái Nguyên
10. BV YDC 24. BV YHCT Quảng Nam
11. BV YHC 25. BV YHCT Vĩnh Phúc
12. BV YHC 26. BV YHCT Yên Bái
13. BV YHC 27. BV YDCT & PHCN Bắc Ninh
14. BV YHC 28. BV YDCT & PHCN Phú Thọ

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU  
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

*Đơn vị báo cáo: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam*

*(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)*

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	
I	Tiền sĩ	Đậu Xuân Cảnh	X	PGS	Y học cổ truyền	
		Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
		Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
		Phạm Quốc Bình	X	PGS	Y học cổ truyền	
		Đoàn Minh Thụy	X	PGS	Y học cổ truyền	
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
		Tổng Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
		Phạm Quốc Bình	X	PGS	Y học cổ truyền	
		Đậu Xuân Cảnh	X	PGS	Y học cổ truyền	
		Nguyễn Tiến Chung	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
		Tổng Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
II	Thạc sĩ	Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
		Đoàn Quang Huy	X	PGS	Y học cổ truyền	
		Nguyễn Chi Lê	X	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	
		Dinh Thị Hồng Minh	X	Tiến sĩ	Khoa học giáo dục	
		Trần Thị Hồng Ngai	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
		Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	
		Đàm Tú Quỳnh	X	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	
		Nguyễn Thị Thuý	X	Tiến sĩ	Trung Y Phụ khoa	



		Trần Quang Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Phạm Việt Hoàng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Quốc Huy	X	PGS	Dược học
		Nguyễn Văn Quân	X	Tiến sĩ	Quản lý dược
		Trần Văn Thanh	X	Tiến sĩ	Dược học
		Nguyễn Thị Minh Thu	X	Tiến sĩ	Dược học
		Nguyễn Duy Thuận	X	PGS	Dược học
		Vũ Đức Lợi	X	PGS	Dược học
		Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Trần Văn Thanh	X	PGS	Y học cổ truyền
V	<b>Bác sĩ nội trú</b>				
		Đoàn Quang Huy	X	PGS	Y học cổ truyền
		Trần Thị Thu Vân	X	PGS	Y học cổ truyền
		Phạm Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
1	Ngành Y học cổ truyền	Đoàn Minh Thủy	X	PGS	Y học cổ truyền
		Nguyễn Duy Tuấn	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
III	<b>Đại học</b>				
		Trần Quang Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thế Anh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Việt Anh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Văn Bình	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
		Phạm Quốc Bình	X	PGS	Y học cổ truyền
		Đâu Xuân Cảnh	X	PGS	Y học cổ truyền
		Lưu Minh Châu	X	Tiến sĩ	Y học
		Nguyễn Vinh Huy Chính	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Đỗ Thị Thanh Chung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Khắc Diên	X	Thạc sĩ	Vật lý
		Nguyễn Đình Diệp	X	Đại học	Y học cổ truyền
		Lê Văn Dũng	X	Thạc sĩ	Ví sinh vật học
		Nguyễn Trường Nam	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
		Nguyễn Thùy Dương	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
		Tổng Thị Tam Giang	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền



Nguyễn Minh Hà	X	BSNT	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Hà	X	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
Trần Thanh Hà	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Văn Hải	X	Tiến sĩ	Châm cứu
Đàm Thị Thu Hằng	X	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
Quách Thị Diễm Hằng	X	Thạc sĩ	Y học (Định hướng YHCT)
Lê Thúy Hạnh	X	BSNT	Y học cổ truyền
Trình Thị Hào	X	Thạc sĩ	Di truyền học
Hoàng Cao Hiếu	X	Tiến sĩ	Nội khoa Y học cổ truyền
Vi Thị Hiếu	X	Thạc sĩ	Di truyền học
Phan Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Phạm Việt Hoàng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Hoàng Thúy Hồng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Đinh Thị Hương	X	Thạc sĩ	Luật học
Phạm Thị Thanh Hương	X	Thạc sĩ	Di truyền học
Trần Đức Hữu	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Đoàn Quang Huy	X	PGS	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Huyền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Thanh Huyền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Văn Khiêm	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Hữu Khoa	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Lan	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Vương Thị Mai Linh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Bùi Phương Mai	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Mai Thúy Mai	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
Nguyễn Phạm Thu Máy	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Hồng Minh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Phạm Thị Minh	X	Thạc sĩ	Nội khoa
Lữ Đoàn Hoạt Mười	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Trường Nam	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Quỳnh Nga	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Tạ Thị Nga	X	Đại học	Y học cổ truyền
Trần Thị Hồng Ngải	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền

1 Ngành Y học cổ truyền

Nguyễn Thị Kim Ngân	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Dặng Ánh Ngọc	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Ngọc	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Huyền Thị Hồng Nhung	X	Đại học	Y học cổ truyền
Dặng Thị Lan Phương	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Hoàng Minh Phương	X	Thạc sĩ	Toán học
Phạm Thủy Phương	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
Trần Thị Thủy Phương	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Trần Thu Phương	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Phương	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Hoàng Trọng Quân	X	Đại học	Y học cổ truyền
Bùi Thị Quỳnh	X	Thạc sĩ	Giải phẫu bệnh
Phạm Quốc Sự	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Đinh Văn Tài	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
Bùi Thị Tâm	X	BSNT	Y học cổ truyền
Lê Thị Phương Thảo	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Vũ Thị Phương Thảo	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Trần Văn Thế	X	Đại học	Y học cổ truyền
Vũ Thị Thơ	X	Thạc sĩ	Điều dưỡng
Thịnh Thị Minh Thu	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Anh Thư	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Ngô Hạnh Thương	X	Tiến sĩ	Hóa hữu cơ
Nguyễn Thị Phương Thủy	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Cù Thị Bích Thủy	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Thủy	X	Tiến sĩ	Trung Y Phụ khoa
Đoàn Minh Thủy	X	PGS	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Thu Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Phùng Thủy Trang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Vũ Thị Tố Trinh	X	Thạc sĩ	Phụ khoa trung y
Lưu Minh Trung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Duy Tuấn	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Trương Anh Tuấn	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền

Trần Anh Tuấn	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Đinh Thị Tuyết	X	Thạc sĩ	Hóa học
Hoàng Thị Tuyết	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Văn Tuyết	X	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục
Trần Thị Vân	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
Đỗ Thị Thanh Xuân	X	Thạc sĩ	Su phạm Toán
Phạm Thị Cẩm Yên	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Hồng Yên	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Phạm Vũ Khánh	X	PGS	Y học cổ truyền
Quang Ngọc Khuê	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Trần Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Trương Thị Minh Trang	X	Thạc sĩ	Luật học
Vũ Nam	X	PGS	Y học cổ truyền
Phùng Thị Huyền	X	Tiến sĩ	Ứng thu
Trần Thái Hà	X	PGS	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Hương	X	Thạc sĩ	Sinh lý học
Đỗ Ba Kê	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Ngọc Thược	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Lê Thu Hiền	X	Đại học	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Mai Linh	X	Đại học	Y học cổ truyền
Hoàng Trùng Tuấn	X	Đại học	Y học cổ truyền
Bùi Thị Lan	X	Đại học	Y học cổ truyền
Nguyễn Hương Giang	X	Đại học	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Thái	X	Đại học	Y học cổ truyền
Cao Thị Vân Anh	X	Thạc sĩ	Y học
Đỗ Thị Thúy Anh	X	Chuyên khoa cấp I	Tâm thần
Nguyễn Võ Hoàng Anh	X	Thạc sĩ	Răng hàm mắt
Nguyễn Tiên Chung	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Du	X	Thạc sĩ	Nội thần kinh
Chu Văn Đức	X	Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh và pháp y
Phạm Việt Dương	X	Chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa
Nguyễn Thị Giang	X	Thạc sĩ	Ví sinh vật học

Nguyễn Thị Hương Giang	X	Tiến sĩ	Quản lý và Lãnh đạo Giáo dục
Đinh Thị Thủy Hà	X	Thạc sĩ	Nội tổng hợp
Lê Thị Việt Hà	X	Tiến sĩ	Vi sinh vật học
Lê Thị Hằng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Dương Thị Thúy Hòa	X	Chuyên khoa cấp I	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
Nguyễn Xuân Hòa	X	Tiến sĩ	Ngoại thần kinh-sọ não
Phạm Thái Hưng	X	Tiến sĩ	Ngoại Lòng ngực
Mai Thị Hương	X	Thạc sĩ	Tâm lý học
Nguyễn Thị Hương	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
Trần Thị Thu Hương	X	Thạc sĩ	Nội tổng hợp
Đỗ Thị Hương	X	Thạc sĩ	Sinh lý học
Phạm Quỳnh Lâm	X	Thạc sĩ	Phụ khoa
Đỗ Thị Hương Lan	X	Thạc sĩ	Y học
Nguyễn Thị Hồng Loan	X	Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
Phạm Hà Ly	X	Thạc sĩ	Nhi khoa
Phạm Thị Miên	X	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
Trần Thị Minh	X	Thạc sĩ	Nội khoa
Phạm Thị Nga	X	Thạc sĩ	Điều dưỡng
Trần Văn Phú	X	Tiến sĩ	Nội khoa
Phí Văn Phương	X	Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số
Nguyễn Ngọc Quỳnh	X	Tiến sĩ	Kinh tế học (Toán kinh tế)
Đặng Việt Sinh	X	Thạc sĩ	Bệnh học Nội khoa
Nguyễn Thị Phương Thanh	X	Chuyên khoa cấp I	Răng hàm mặt
Vũ Thị Thơm	X	Thạc sĩ	Da liễu
Bùi Thị Hương Thu	X	Thạc sĩ	Nhi khoa
Trần Thị Kim Thu	X	Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
Phạm Văn Thương	X	Chuyên khoa cấp II	Chẩn đoán hình ảnh
Nguyễn Huyền Trang	X	Thạc sĩ	Mô phôi thai học

Nguyễn Thị Nha Trang	X	Thạc sĩ	Di truyền học
Nguyễn Trọng Trí	X	Đại học	Y khoa
Ngô Văn Trọng	X	Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
Chu Anh Tuấn	X	Thạc sĩ	Vật lý
Tống Thị Mai Vân	X	Thạc sĩ	Nội khoa
Nguyễn Đăng Yên	X	CKI	Y khoa
Quách Thị Yên	X	Tiến sĩ	Mô học và phối thai học
Trần Hải Yến	X	Thạc sĩ	Nội khoa
Phạm Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
Nguyễn Văn Đông	X	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
Vũ Đức Đình	X	PGS	Nội - Tiêu hóa
Nguyễn Mạnh Khánh	X	PGS	Chẩn thương chỉnh hình
Trần Văn Thanh	X	PGS	Thần kinh
Nguyễn Thị Thái Hòa	X	Tiến sĩ	Ứng thư
Bùi Nam Phong	X	Tiến sĩ	Nội khoa
Phạm Quang Khải	X	Đại học	Y đa khoa
Nguyễn Thị Vân Anh	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
Vũ Thị Lan Anh	X	Thạc sĩ	Y học
Nguyễn Ngọc Đăng	X	Đại học	Y học cổ truyền
Đào Văn Đình	X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn vật lý
Nguyễn Phương Dung	X	Thạc sĩ	Dược học
Trần Thị Phương Dung	X	Thạc sĩ	Toán học
Nguyễn Tiến Dũng	X	Tiến sĩ	Hóa hữu cơ
Phùng Bá Dương	X	Thạc sĩ	Hóa sinh
Nguyễn Thị Châu Giang	X	Thạc sĩ	Dược học
Lê Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Dược liệu-Dược học cổ truyền
Lương Thị Thu Hà	X	Thạc sĩ	Y học dự phòng
Đào Thúy Hằng	X	Đại học	Y học cổ truyền
Nguyễn Thị Thu Hằng	X	Thạc sĩ	Vì sinh vật học

Dược

Bùi Thị Hào	X	Thạc sĩ	Dược học
Nguyễn Thị Hiền	X	Thạc sĩ	Dược học cổ truyền
Trần Thị Thu Hiền	X	Thạc sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
Trần Thị Thu Hiền	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Bàng Thị Hoài	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
Tô Lê Hồng	X	Thạc sĩ	Dược học
Trần Thị Thu Hương	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Tương Thị Thu Hương	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
Nguyễn Quốc Huy	X	PGS	Dược học
Lê Đức Khang	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Phạm Phương Liên	X	Thạc sĩ	Dược học
Đào Văn Lưu	X	Thạc sĩ	Dược học
Đặng Thị Nga	X	Đại học	Dược học
Nguyễn Thị Thu Nga	X	Chuyên khoa cấp I	Dược học
Bùi Thị Ngoan	X	Thạc sĩ	Dược học
Nguyễn Phương Nhi	X	Thạc sĩ	Dược (Dược liệu - Dược CT)
Trần Hồng Nhung	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
Trần Thị Hồng Nhung	X	Thạc sĩ	Dược học
Đỗ Văn Pha	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
Đỗ Lan Phương	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
Hoàng Thị Phương	X	Đại học	Dược học
Hoàng Thị Thu Phương	X	Thạc sĩ	Sinh lý học thực vật
Nguyễn Văn Quân	X	Tiến sĩ	Quản lý dược
Đỗ Thị Hồng Sâm	X	Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
Trần Văn Thanh	X	Tiến sĩ	Dược học
Nguyễn Thị Thơm	X	Thạc sĩ	Dược học
Nguyễn Thị Minh Thu	X	Tiến sĩ	Dược học
Nguyễn Duy Thuần	X	PGS	Dược học
Nguyễn Thị Thùy Trang	X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học
Đỗ Thị Tố Uyên	X	Thạc sĩ	Sinh thái học

	Trần Thị Hoài Vân	X	Thạc sĩ	Hóa phân tích
	Nguyễn Duy Thức	X	Thạc sĩ	Dược học
	Vũ Đức Lợi	X	PGS	Dược học
	Phạm Thị Thúy An	X	Đại học	Xét nghiệm y học

Người lập bảng

Họ tên: Trần Đức Hữu

Chữ ký:

Điện thoại: 0983951056

Email: ts.bs.huuh@gmail.com

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Huy**

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THÌNH GIẢNG  
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

*Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)*

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
	<i>Tiến sĩ</i>					
	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Văn Dũng	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Đà Nẵng
		Nguyễn Thị Huệ	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Bộ Công an
		Phạm Bá Tuyên	X	PGS Tiến sĩ	Y học cổ truyền	Bệnh viện YHCT Bộ Công an
1	<i>Thạc sĩ</i>					
	Ngành Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Huệ	X	TS, BS	TS chuyên ngành YHCT	Bệnh viện YHCT Bộ Công an
		Nguyễn Hoài Văn	X	TS, BS	Chuyên ngành YHCT	Viện YHCT Quân đội
		Nguyễn Thị Hương	X	TS, BS	Chuyên ngành YHCT	Viện YHCT Quân đội
		Nguyễn Văn Dũng	X	TS	TS YHCT	
		Trần Văn Khanh	X	TS	TS YHCT	Cục YDCT
		Hoàng Thị Hoa Lý	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành YHCT	Cục quản lý Y Dược cổ truyền BYT
		Trần Quốc Khánh	X	TS, BS	TS chuyên ngành Răng hàm mặt	Bệnh viện E
		Trần Thị Oanh	X	TS, BS	TS, BS	Cục KHCN &ĐT



I	Trình Xuân Học	X	TS, BSCKII	BSCKII chuyên ngành Phẫu thuật Hàm mắt	BV Đa khoa Hà Đông
	Doãn Bình Tĩnh	X	TS, BSCKII	BSCKII chuyên ngành gây mê hồi sức	BV Đa khoa Hà Đông
	Trần Ngọc Lương	X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành Ngoại khoa	BV Nội Tiết TW
	Đinh Văn Trúc	X	TS, BS	TS chuyên ngành Ngoại tiêu hóa	BV Nội Tiết TW
	Hoàng Thanh Vân	X	TS, BS	TS chuyên ngành Lao	BV Phổi TW
	Nguyễn Thị Kim Đình	X	Thạc sĩ, BS	Nội Phụ	Bệnh viện Y được cổ truyền Nghệ An
	Trình Chí Giao	X	Thạc sĩ, BS		Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa
	Cao Thị Hiền	X	Thạc sĩ, BS		Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa
	Nguyễn Hoàng Trung	X	Thạc sĩ, BSCKII		Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa
	Nguyễn Thị Quý	X	Thạc sĩ, BSCKII		Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa
	Mai Thị Dương	X	Thạc sĩ, BSCKII		Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa
	Nguyễn Thị Luân	X	Thạc sĩ, BS		Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa
		X			
	III	Chuyên khoa 2			
	Vũ Nam	X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Hà Thị Thanh Hương	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Hà Thị Việt Nga	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Phạm Thị Hoài An	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Nguyễn Quang Vinh	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Đỗ Thị Minh Nghĩa	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Lê Văn Sĩ	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Nguyễn Bội Hương	X	TS, BSCKII	TS, BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW

1	Ngành Y học cổ truyền	Dương Minh Sơn	X	TS.BSCKII	TS.BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Trần Văn Thanh	X	PGS,TS, BS	TS.Y học chuyên ngành Châm cứu	BV Châm cứu TW
		Phí Thị Thái Hà	X	TS.BSCKII	TS.BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Trần Phương Đông	X	TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
		Nguyễn Đức Minh	X	PGS,TS, BS	TS chuyên ngành Châm cứu, XBBH	BV YHCT Hà Đông
		Nguyễn Thị Tâm Thuận	X	PGS,TS, BS	TS.BS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Vũ Minh Hoàn	X	TS, BS	TS chuyên ngành YHCT	Bệnh viện Đa khoa YHCT Hà Nội
		Nguyễn Thị Thu Hằng	X	TS, BS	TS chuyên ngành YHCT	Bệnh viện Đa khoa YHCT Hà Nội
		Hồ Văn Thăng	X	Chuyên khoa II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Nghệ An
		Nguyễn Thị Hải	X	Chuyên khoa II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Nghệ An
		Hồ Phi Đông	X	Chuyên khoa II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Nghệ An
		Hồ Sỹ Thăng	X	Chuyên khoa II	Ngoại	Bệnh viện Y được cổ truyền Nghệ An
		Hồ Duy Xuân	X	Chuyên khoa II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Văn Tâm	X	TS, BSChuyên khoa II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Nghệ An		
Nguyễn Thị Phương Hoa	X	Chuyên khoa II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Nghệ An		
Võ Lưu Hoà	X	Chuyên khoa II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Nghệ An		
Hàn Huy Truyền	X	TS, BS	TS.BS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW		
IV	Chuyên khoa I					

I Ngành Y học cổ truyền						
Trần Thái Hà	X	PGS, TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW		
Trần Đăng Khoa	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW		
Trần Minh Hiếu	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW		
Trần Thị Phương Linh	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW		
Kiều Đình Khoan	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW		
Ngô Thị Lan Phương	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW		
Lê Mạnh Cường	X	PGS, TS, BS	Ngoại	BV Tuệ Tĩnh		
Nguyễn Thị Hoa	X	Bác sĩ CKI	Chuyên ngành YHCT	BV YHCT Hà Đông		
Lê Thị Tranh	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	Chuyên ngành YHCT	BV YHCT Hà Đông		
Nguyễn Vinh Hưng	X	TS, BS	TS chuyên ngành Bệnh học nội khoa	Bệnh viện E		
Chu Minh Hà	X	TS, BS	TS Tim mạch	Bệnh viện E		
Trần Ngọc Cường	X	TS, BSCKII	BSCKII chuyên ngành Sản phụ khoa	BV Đa khoa Hà Đông		
Đào Thiện Tiên	X	TS, BSCKII	BSCKII chuyên ngành Ngoại khoa	BV Đa khoa Hà Đông		
Trần Thị Thanh Hóa	X	PGS, TS	TS chuyên ngành Nội khoa	BV Nội Tiết TW		
Nguyễn Gia Vinh	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa		
Mai Văn Vũ	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa		
Lê Thị Lan Hương	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa		
Nguyễn Huy Cường	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa		
Nguyễn Thị Hương	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa		
Nguyễn Thị Thanh	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa		
Lê Thị Lan Anh	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa		
Dương Cẩm Dung	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y được cổ truyền Thanh Hóa		

Hoàng Văn Thạch	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Hoàng Anh	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Thị Tuấn	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Đinh Văn Dũng	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Việt Quang	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Lương Anh Tú	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Mai Nam	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Lưu Văn Quyết	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Mai Thị Kim Hòa	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Trịnh Thị Huyền	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Thị Thủy Nga	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Thị Hoa	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Thị Phương Hoa	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Hoàng Ngọc Tâm	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Văn Dũng	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Phùng Bá Huệ	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Cao Thạch Tâm	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Phan Văn Lưu	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Lê Thị Hoa	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Vũ Thị Quế	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa

Nguyễn Thị Thủy Quỳnh	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Nguyễn Thị Việt	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Lương Xuân Huân	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Thanh Hóa
Hoàng Thị Thu Hà	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Trần Thị Hiền	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Võ Văn Đức	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Nguyễn Văn Thùy	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Nguyễn Thị Phương Linh	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Phan Thị Thu Hằng	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Trần Thị Hà Uyên	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Dặng Thành Huy	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Phạm Văn Ánh	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Nguyễn Thị Hồng Thanh	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Vì Thị Lan Hương	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Lê Đức Quang	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Nguyễn Đức Lương	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Dương Thị Thương	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Trần Thị Hòa	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Dặng Hoàng Toàn	X	Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền Nghệ An
Nguyễn Thị Thanh Thủy	X	Bác sĩ CKII	Bác sĩ CKII Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện Thanh Nhân

	Phạm Thị Trà Giang	X	Bác sĩ CKII	Bác sĩ CKIII Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện Thanh Nhân
	Hoàng Thu Hương	X	BSCKI	BSCKI chuyên ngành YHCT	Bệnh viện 19-8
	Nguyễn Thị Bích	X	BSCKI	BSCKI chuyên ngành YHCT	Bệnh viện 19-8
	Nguyễn Thị Bảo Liên	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	Thạc sĩ chuyên ngành Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn
	Vũ Văn Khâm	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	Thạc sĩ chuyên ngành Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn
	Đặng Hồng Hoa	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành cơ xương khớp	Bệnh viện E
	Trần Văn Thanh	X	PGS.TS, BS	TS.Y học chuyên ngành Chấn cứu	BV Châm cứu TW
2	Trần Phương Đông	X	TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
	Nguyễn Đức Minh	X	PGS., TS, BS	TS chuyên ngành Chấn cứu, XBBH	BV YHCT Hà Đông
	Phạm Hồng Vân	X	PGS.TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
	Trần Thị Oanh	X	Tiến sĩ	Dược học	Cục KHCN &DT
	Phuong Thiện Thương	X	Tiến sĩ	Dược học	Viện Dược liệu
3	Ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền				
V	<b>Bác sĩ Nội trú</b>				
	Trần Quốc Bình	X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Dương Trọng Nghĩa	X	PGS.TS, BSCKII	TS, BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Phạm Hồng Vân	X	PGS.TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
1	Hoàng Thanh Tuyền	X	PGS.TS	TS chuyên ngành Nội tiêu hóa	Bệnh viện 19-8
VI	<b>Dại học chính quy</b>				

1	Ngành Y học cổ truyền	Vũ Nam	X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Hà Thị Thanh Hương	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
		Hà Thị Việt Nga	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
		Phạm Thị Hoài An	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
		Nguyễn Quang Vinh	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
		Đỗ Thị Minh Nghĩa	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
		Lê Văn Sĩ	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
		Nguyễn Bội Hương	X	TS.BSCKII	TS.BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Dương Minh Sơn	X	TS.BSCKII	TS.BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Nguyễn Thị Huệ	X	TS, BS	TS chuyên ngành YHCT	Bệnh viện YHCT Bộ Công an
		Nguyễn Thị Vân Anh	X	TS, BS	TS.BSCKII YHCT	Khoa Nội - BV YHCT TW
		Trần Văn Thanh	X	PGS.TS, BS	TS.Y học chuyên ngành Châm cứu	BV Châm cứu TW
		Nguyễn Hoài Văn	X	TS, BS	Chuyên ngành YHCT	Viện YHCT Quân đội
		Phí Thị Thái Hà	X	TS.BSCKII	TS.BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Trần Quốc Bình	X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Dương Trọng Nghĩa	X	TS.BSCKII	TS.BSCKII chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
		Phạm Bá Tuyên	X	PGS.TS	TS, BS chuyên ngành YHCT	Bệnh viện YHCT Bộ Công an
		Phạm Hồng Vân	X	PGS.TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
		Trần Phương Đông	X	TS, BS	TS.Y khoa chuyên ngành YHCT	BV Châm cứu TW
		Nguyễn Đức Minh	X	PGS.TS, BS	TS chuyên ngành Châm cứu, XBBH	BV Châm cứu TW

	Nguyễn Thị Tâm Thuận	X	PGS, TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Trần Thái Hà	X	PGS, TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Hàn Huy Truyền	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Trần Đăng Khoa	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Trần Minh Hiếu	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Trần Thị Phương Linh	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Kiều Đình Khoan	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Ngô Thị Lan Phương	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành YHCT	BV Y học cổ truyền TW
	Nguyễn Thị Hương	X	TS, BS	Chuyên ngành YHCT	Viện YHCT Quân đội
	Ngô Quang Hải	X	TS	TS YHCT	
	Nguyễn Văn Dũng	X	TS	TS YHCT	
	Trần Văn Khanh	X	TS	TS YHCT	Quê YDCT
	Vũ Minh Hoàn	X	TS, BS	TS chuyên ngành YHCT	Bệnh viện Đa khoa YHCT Hà Nội
	Nguyễn Thị Thu Hằng	X	TS, BS	TS chuyên ngành YHCT	Bệnh viện Đa khoa YHCT Hà Nội
	Hoàng Thị Hoa Lý	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành YHCT	Quê quản lý Y Dược cổ truyền BYT
	Lê Mạnh Cường	X	PGS, TS, BS	TS chuyên ngành YHCT	BV YHCT TW
	Nguyễn Thị Hoa	X	Bác sĩ CKI	Chuyên ngành YHCT	BV YHCT Hà Đông



	Vũ Tam Lân	X	TS, BS	Chuyên ngành YHCT	Viện YHCT Quân đội
	Trịnh Hoài Nam	X	TS, BS	Chuyên ngành YHCT	Viện YHCT Quân đội
	Lê Thị Tranh	X	Thạc sĩ, Bác sĩ CKII	Chuyên ngành YHCT	BV YHCT Hà Đông
	Lương Đức Dũng	X	TS, BS	Chuyên ngành Miễn dịch	
	Nguyễn Vĩnh Hưng	X	TS, BS	TS chuyên ngành Bệnh học nội khoa	Bệnh viện E
	Chu Minh Hà	X	TS, BS	TS Tim mạch	Bệnh viện E
	Lê Ngọc Thành	X	GS.TS	TS chuyên ngành tim mạch	Bệnh viện E
	Trần Quốc Khánh	X	TS, BS	TS chuyên ngành Răng hàm mặt	Bệnh viện E
	Trần Thị Oanh	X	TS, BS	TS Dược	Trung KHCC & DT
	Hoàng Thanh Tuyền	X	PGS.TS	TS chuyên ngành Nội tiêu hóa	Bệnh viện 19-8
	Trần Văn Sáu	X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành hô hấp	Bệnh viện 19-8
	Đào Thiên Tiến	X	TS, BSCKII	BSCKII chuyên ngành Ngoại khoa	BV Da khoa Hà Đông
	Trần Ngọc Cường	X	TS, BSCKII	BSCKII chuyên ngành Sản phụ khoa	BV Da khoa Hà Đông
	Trịnh Xuân Học	X	TS, BSCKII	BSCKII chuyên ngành Phẫu thuật Hăm mắt	BV Da khoa Hà Đông
	Đoàn Bình Tĩnh	X	TS, BSCKII	BSCKII chuyên ngành gây mê hồi sức	BV Da khoa Hà Đông
	Trần Ngọc Lương	X	PGS.TS	PGS.TS chuyên ngành Ngoại khoa	BV Nội Tiết TW
	Trần Thị Thanh Hóa	X	PGS.TS	TS chuyên ngành Nội khoa	BV Nội Tiết TW

	Phan Hương Dương	X	PGS, TS, BS	TS chuyên ngành Vệ sinh XH học và Tổ chức Y tế	BV Nội Tiết TW
	Đinh Văn Tỵ	X	TS, BS	TS chuyên ngành Ngoại tiêu hóa	BV Nội Tiết TW
	Hoàng Kim Ước	X	PGS, TS, BS	TS chuyên ngành Y xã hội và Tổ chức y tế	BV Nội Tiết TW
	Đào Quang Minh	X	TS, BS	TS chuyên ngành Nội khoa	BV Thanh Nhân
	Hoàng Minh Đỗ	X	TS, BSCCKII	TS, BSCCKII chuyên ngành Ngoại Sơ não	BV Thanh Nhân
	Cao Văn Vinh	X	TS, BSCCKII	BSCCKII chuyên ngành Ngoại - Tiêu hóa	BV Thanh Nhân
	Nguyễn Minh Hiền	X	TS, BS	TS Y học chuyên ngành Hóa sinh	BV Thanh Nhân
	Quách Thị Cấn	X	PGS, TS	TS Y khoa chuyên ngành Tai mũi họng	BV Tai mũi họng TW
	Nguyễn Thị Khánh Vân	X	TS, BS	TS Y khoa chuyên ngành Tai mũi họng	BV Tai mũi họng TW
	Hoàng Thanh Vân	X	TS, BS	TS chuyên ngành Lao	BV Phổi TW
	Nguyễn Hữu Chiến	X	TS, BS	TS chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I
	Tô Thanh Phương	X	TS, BS	TS chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I
	Vương Văn Tĩnh	X	TS, BS	TS chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I
	Cao Văn Tuấn	X	TS, BS	TS chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I
	Quản Trường Sơn	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Tâm thần	Bệnh viện Tâm thần Trung ương I
	Trần Văn Thuấn	X	GS, TS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
	Bùi Vinh Quang	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương

		Lê Thanh Đức	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Đỗ Anh Tú	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Vũ Quang Toàn	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Hàn Thị Vân Thanh	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Nguyễn Diệu Linh	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Nguyễn Hoàng Minh	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Hoàng Trọng Tùng	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Đoàn Lực	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Nguyễn Quang Thái	X	TS, BS	TS, BS chuyên ngành Ung thư học	Bệnh viện K Trung ương
		Hà Huy Tài	X	PGS.TS	Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên ngành Nhân khoa	Bệnh viện Mắt TW
		Đỗ Tấn	X	TS, BS	Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên ngành Nhân khoa	Bệnh viện Mắt TW
		Nguyễn Quốc Anh	X	TS, BS	Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên ngành Nhân khoa	Bệnh viện Mắt TW
		Thắm Trương Khánh Vân	X	TS, BS	Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên ngành Nhân khoa	Bệnh viện Mắt TW
		Lê Xuân Cung	X	TS, BS	Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên ngành Nhân khoa	Bệnh viện Mắt TW
		Nguyễn Xuân Tinh	X	TS, BS	Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên ngành Nhân khoa	Bệnh viện Mắt TW
		Lê Thanh Hải	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Đào Minh Tuấn	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Lê Thị Thu Hương	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
		Nguyễn Văn Lâm	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Truyền nhiễm Nhi	Bệnh viện Nhi TW

	Cao Vũ Hùng	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Nhi khoa	Bệnh viện Nhi TW
	Lưu Thị Mỹ Thục	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Dinh dưỡng	Bệnh viện Nhi TW
	Hoàng Thị Bích Ngọc	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Vi sinh	Bệnh viện Nhi TW
	Đặng Hồng Hoa	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành cơ xương khớp	Bệnh viện E
	Trần Ngọc Sơn	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Da khoa Xanh Pôn
	Đông Văn Hệ	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại thần kinh	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Lê Bảo Tiến	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Hữu Ước	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Xuân Hùng	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Thanh Long	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Đức Chính	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Đỗ Trường Thành	X	PGS.TS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Quang	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Nam học	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Quang Nghĩa	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Lê Hồng Nhân	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại thần kinh	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Việt Hoa	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Lê Mạnh Sơn	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Hồng Hà	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức

	Dương Trọng Hiền	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Phạm Hữu Lư	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Tiến Sơn	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Hoàng Long	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Hoàng Ngọc Sơn	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Ngô Mạnh Hùng	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Nguyễn Đình Hòa	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Thái Nguyễn Hưng	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Lê Nguyễn Vũ	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Vũ Ngọc Tú	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Phùng Duy Hồng Sơn	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Bùi Huy Mạnh	X	TS, BS	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Phuong Thiện Thương	X	PGS.TS	TS Dược học	Viện Dược liệu
	Nguyễn Quốc Huy	X	PGS.TS	TS Dược liệu-Dược cổ truyền	Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam
	Khúc Thị Nhen	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành Thần kinh	Bệnh viện E
	Ngô Tiến Thành	X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành hô hấp	Bệnh viện E
	Nguyễn Lê Liêm	X	Bác sĩ CKII	BSCKII Nội	



			X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Nội khoa	BV Nội Tiết TW	
	Nguyễn Thị Hồ Lan		X	Bác sĩ CKII	BSCKII. Chuyên ngành Nội - Lão khoa	BV Thanh Nhân	
	Vũ Mai Hương		X	Bác sĩ CKII	BSCKII. Chuyên ngành Nội- Nội tiết	BV Thanh Nhân	
	Nguyễn Thị Lan Hương		X	Bác sĩ CKII	BSCKII. chuyên ngành Thần kinh	BV Thanh Nhân	
	Đinh Văn Thắng		X	Bác sĩ CKII	BSCKII. chuyên ngành Thần kinh học	BV Thanh Nhân	
	Trương Trường Giang		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Nha khoa	BV Thanh Nhân	
	Bùi Thế Khue		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Nhi - Hô hấp	BV Thanh Nhân	
	Nguyễn Thu Hương		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I	
	Bạch Quốc Hà		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I	
	Lê Thị Tố Uyên		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I	
	Nguyễn Tuấn Đại		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I	
	Lê Thị Thanh Thu		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I	
	Cao Thị Vịnh		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I	
	Nguyễn Hoàng Diệp		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I	
	Bùi Công Viên		X	Bác sĩ CKII	BSCKII chuyên ngành Tâm thần	BV Tâm Thần TW I	
	Nguyễn Chí Thành		X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành Tâm thần	Bệnh viện Tâm thần Trung ương I	

	Dỗ Thị Lưu	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành Tâm thần	Bệnh viện Tâm thần Trung ương I
	Nguyễn Thị Hương Giang	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành Ung thư	Bệnh viện K Trung ương
	Ngô Vĩ Dung	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành Ung thư	Bệnh viện K Trung ương
	Đỗ Thị Kim Anh	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành Ung thư	Bệnh viện K Trung ương
	Đoàn Duy Hùng	X	Bác sĩ CKII	Bác sĩ CKII Ngoại lồng ngực	Bệnh viện Da khoa Xanh Pôn
	Bùi Thị Thu Huyền	X	Bác sĩ CKII	Bác sĩ CKII Răng Hàm Mặt	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn
	Đoàn Việt Quân	X	Bác sĩ CKII	Tiến sĩ chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Vô Quốc Hưng	X	Bác sĩ CKII	Tiến sĩ chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức
	Hoàng Thị Hiền	X	Bác sĩ CKII	BS CKII Nội xương khớp	Bệnh viện Thanh Nhân
	Nguyễn Thị Thanh Thủy	X	Bác sĩ CKII	Bác sĩ CKII Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện Thanh Nhân
	Phạm Thị Trà Giang	X	Bác sĩ CKII	Bác sĩ CKII Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện Thanh Nhân
	Vũ Thanh Chung	X	Bác sĩ CKII	Bác sĩ CKII Ngoại Tổng hợp	Bệnh viện Thanh Nhân
	Lê Thanh Sơn	X	Bác sĩ CKII	BS CKII chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Thanh Nhân
	Vũ Hải Vinh	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện E
	Hưu Hoài Anh	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện E
	Nguyễn Thị Thanh Hải	X	CKII	CKII chuyên ngành Nội tiết	Bệnh viện Nội Tiết TW
	Trần Thị Sen Hồng	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Nội hô hấp	Bệnh viện E
	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	X	Tiến sĩ, Bác sĩ	TS chuyên ngành Nội tiết	Bệnh viện Nội Tiết TW



	Đỗ Chí Hùng	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành phục hồi chức năng	Bệnh viện E
	Nguyễn Quốc Khánh	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Tim mạch	Bệnh viện 19-8
	Dương Hồng Niên	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Tim mạch	Bệnh viện 19-8
	Nguyễn Việt Dũng	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Tiêu hóa	Bệnh viện 19-8
	Đinh Thị Hòa	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Hô hấp	Bệnh viện 19-8
	Phạm Ngọc Hào	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Hô hấp	Bệnh viện 19-8
	Phùng Văn Huệ	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Sản phụ khoa	Bệnh viện 19-8
	Nguyễn Thị Thoa	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Răng hàm mặt	Bệnh viện 19-8
	Nguyễn Đình Trường	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Ngoại trung	Bệnh viện 19-8
	Vũ Hải Nam	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện 19-8
	Đỗ Văn Dũng	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành phẫu thuật thần kinh	Bệnh viện 19-8
	Nguyễn Minh Tuấn	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện 19-8
	Phạm Tuấn Dương	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Nội khoa - Nội tiết	Bệnh viện 19-8
	Nguyễn Thị Thu Trang	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Nội chung	Bệnh viện 19-8
	Đỗ Thị Thanh Thủy	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Nội khoa - Truyền nhiễm	Bệnh viện 19-8
	Nguyễn Mạnh Trường	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Ngoại chung	Bệnh viện 19-8
	Phan Sỹ Thanh Hà	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Ngoại tiêu hóa	Bệnh viện 19-8
	Vũ Văn Vinh	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Ngoại chung	Bệnh viện 19-8
	Hà Ngọc Quân	X	Thạc sĩ, Bác sĩ	ThS chuyên ngành Ngoại khoa	Bệnh viện 19-8

Phụ lục 4

BỘ Y TẾ  
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**KHUNG CHẤM XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH  
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024

của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Họ và tên thí sinh: .....

Năm: 2023

Ngành: Y học cổ truyền

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
<b>I. HỒ SƠ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH</b>				
1	Đơn xin xét tuyển	Đúng mẫu		
2	Lý lịch khoa học	Đúng mẫu quy định và có xác nhận của đơn vị		
3	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền loại giỏi trở lên và bảng điểm.	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp Đại học công chứng		
	Hoặc bằng Thạc sĩ ngành YHCT và bảng điểm.	Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và thạc sĩ công chứng		
		Bảng điểm công chứng tốt nghiệp Thạc sĩ (nếu có)		
	Tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe. (CKII ; BSNT)	Bản sao văn bằng công chứng		
Bảng điểm tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe công chứng				
4	Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học	Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.		
		Thư giới thiệu nghiên cứu sinh: Đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.		
5	Đề cương nghiên cứu	Dự thảo đề cương nghiên cứu		
		Kế hoạch Nghiên cứu toàn khóa		
6	Kế hoạch học tập	Dự kiến kế hoạch học tập		
7	Năng lực ngoại ngữ	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;		
	Hoặc	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;		
	Hoặc	Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.		
	Hoặc	Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.		
8	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).	Đúng quy định		
9	Giấy xác nhận thời gian công tác 02 năm công tác đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ	Đúng quy định		
	Hoặc Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng;	Đúng quy định		
10	Bản sao giấy khai sinh;	Đúng quy định		
11	Giấy chứng nhận sức khỏe;	Đúng quy định		
12	Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);	Đúng quy định		

<b>II. CHẤM ĐỀ CƯƠNG NCKH XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH</b>				
<b>Phần 1</b>	<b>Nội dung khoa học:</b>		<b>ĐIỂM TỐI ĐA</b>	<b>ĐIỂM CHẤM</b>
	- Bài luận định hướng nghiên cứu		<b>0,5 điểm</b>	
	- Tên đề tài, mục tiêu	Tên đề tài rõ ràng, mục tiêu khả thi, đo lường được, phù hợp với chuyên ngành	<b>1 điểm</b>	
	- Tổng quan tài liệu	Tổng quan tài liệu cập nhật, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học, phù hợp	<b>1 điểm</b>	
	- Dự kiến kết quả nghiên cứu	Dự kiến kết quả phù hợp mục tiêu nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Kế hoạch nghiên cứu	Kế hoạch nghiên cứu phù hợp và khả thi	<b>0,5 điểm</b>	
	- Bộ công cụ nghiên cứu	Bộ công cụ nghiên cứu phù hợp mục tiêu và nội dung nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- nội dung hoặc giải quyết vấn đề nghiên cứu	Có tính sáng tạo hoặc tính mới về nội dung; giải quyết vấn đề có ý nghĩa thực tiễn; tính khả thi, không trùng lặp.	<b>2 điểm</b>	
<b>Phần 2</b>	<b>Trả lời các câu hỏi của học viên (ít nhất 02 câu):</b>	- Trả lời đúng: tối đa <b>1,5 điểm/1 câu hỏi</b> - Không trả lời/sai: <b>0 điểm</b>	<b>3 điểm</b>	
<b>Phần 4</b>	<b>Hình thức đề cương luận án và slide báo cáo</b>	Bố cục hợp lý, bài trình bày đẹp, tác phong trình bày tốt	<b>0,5 điểm</b>	
	Tổng điểm đề cương		<b>10</b>	
<b>Phần 4</b>	<b>Dự kiến thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh (tiêu chuẩn thầy hướng dẫn)</b>			
	- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan; Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp đề tài nghiên cứu.			
	Hoặc là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan; Người chưa có chức danh giáo sư,			

	<p>phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau: Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ; Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).</p>	
	<p>Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn</p>	
	<p>Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus).</p>	
	<p>Hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành</p>	
	<p>Hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định</p>	<p>Cần đảm bảo tiêu chuẩn của người hướng dẫn theo đúng quy định tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh</p>
	<p>Số lượng NCS đang hướng dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người hướng dẫn chính</li> <li>- Hoặc người hướng dẫn độc lập</li> <li>- Hoặc người hướng dẫn phụ</li> </ul> <p>Số lượng Học viên sau đại học đang hướng dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thạc sĩ</li> <li>- Chuyên khoa II</li> <li>- Bác sĩ nội trú</li> </ul>	

### III. Hướng dẫn đánh giá và xét tuyển

Mỗi thí sinh dự tuyển được chấm điểm xét tuyển theo thang điểm trên:

- Điểm hồ sơ dự tuyển do Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá.
- Điểm bài luận/đề cương dự kiến NC của thí sinh do Hội đồng chấm đề cương đánh giá
- Kết quả xét tuyển mỗi thí sinh là gồm kết quả đánh giá hồ sơ “đạt” các tiêu chí đánh giá và điểm chấm đề cương của Hội đồng .

#### **Ghi chú:**

- Điểm đánh giá bài luận và đề cương của thí sinh là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng chấm đề cương có mặt và lấy đến một chữ số thập phân. (Riêng phần: Chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu phải đạt  $\geq 50\%$  tổng số điểm của phần đó)

PHIẾU CHẤM ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÉT TUYỂN  
NGHIÊN CỨU SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ  
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Họ và tên thí sinh: .....

Năm: 2024

Ngành: Y học cổ truyền

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CHẤM
<b>Phần 1 (6,5 điểm)</b>	<b>Nội dung khoa học:</b>		
	<b>Nội dung khoa học:</b>		
	- Bài luận định hướng nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Tên đề tài rõ ràng, mục tiêu khả thi, đo lường được, phù hợp với chuyên ngành	<b>1 điểm</b>	
	- Tổng quan tài liệu cập nhật, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học, phù hợp	<b>1 điểm</b>	
	- Dự kiến kết quả phù hợp mục tiêu nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Kế hoạch nghiên cứu phù hợp và khả thi	<b>0,5 điểm</b>	
	- Bộ công cụ nghiên cứu phù hợp mục tiêu và nội dung nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Có tính sáng tạo/tính mới về nội dung hoặc giải quyết vấn đề có ý nghĩa thực tiễn, tính khả thi, không trùng lặp.	<b>2 điểm</b>	
<b>Phần 2 (3 điểm)</b>	<b>Trả lời các câu hỏi của học viên (ít nhất 02 câu):</b> - Trả lời đúng: tối đa <b>1,5 điểm/1 câu hỏi</b> - Không trả lời/sai: <b>0 điểm</b>	<b>3 điểm</b>	
<b>Phần 3 (0,5 điểm)</b>	<b>Hình thức đề cương luận văn và slide báo cáo: Bỏ cục hợp lý, bài trình bày đẹp, tác phong trình bày tốt</b>	<b>0,5 điểm</b>	
<b>Tổng điểm</b>			<b>.....điểm</b>

(Người hướng dẫn cần đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh)/.

**Ghi chú:** Thành viên Hội đồng cho điểm theo thang điểm 10; lẻ tới 0,25 điểm  
Điểm đạt: từ 5,0 điểm trở lên

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI CHO ĐIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên)

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.		
5	Đề cương nghiên cứu	Dự thảo đề cương nghiên cứu		
		Kế hoạch Nghiên cứu toàn khóa		
6	Kế hoạch học tập	Dự kiến kế hoạch học tập		
7	Năng lực ngoại ngữ	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;		
	Hoặc	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;		
	Hoặc	Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.		
	Hoặc	Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở		



STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.		
8	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).	Đúng quy định		
9	Giấy xác nhận thời gian công tác 02 năm công tác đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ	Đúng quy định		
	Hoặc Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng;	Đúng quy định		
10	Bản sao giấy khai sinh;	Đúng quy định		
11	Giấy chứng nhận sức khỏe;	Đúng quy định		
12	Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);	Đúng quy định		

- Đánh giá chung:**  Đạt không cần bổ sung  
 Đạt nhưng cần phải bổ sung  
 Không đạt

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI CHĂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



.....  
.....  
.....

**PHIẾU CHẤM ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÉT TUYỂN  
NGHIÊN CỨU SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ  
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

*(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Họ và tên thí sinh: .....

Năm: 2024

Ngành: Y học cổ truyền

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CHẤM
<b>Phần 1 (6,5 điểm)</b>	<b>Nội dung khoa học:</b>		
	<b>Nội dung khoa học:</b>		
	- Bài luận định hướng nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Tên đề tài rõ ràng, mục tiêu khả thi, đo lường được, phù hợp với chuyên ngành	<b>1 điểm</b>	
	- Tổng quan tài liệu cập nhật, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học, phù hợp	<b>1 điểm</b>	
	- Dự kiến kết quả phù hợp mục tiêu nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Kế hoạch nghiên cứu phù hợp và khả thi	<b>0,5 điểm</b>	
	- Bộ công cụ nghiên cứu phù hợp mục tiêu và nội dung nghiên cứu	<b>0,5 điểm</b>	
	- Có tính sáng tạo/tính mới về nội dung hoặc giải quyết vấn đề có ý nghĩa thực tiễn, tính khả thi, không trùng lặp.	<b>2 điểm</b>	
<b>Phần 2 (3 điểm)</b>	<b>Trả lời các câu hỏi của học viên (ít nhất 02 câu):</b> - Trả lời đúng: tối đa <b>1,5 điểm/1 câu hỏi</b> - Không trả lời/sai: <b>0 điểm</b>	<b>3 điểm</b>	
<b>Phần 3 (0,5 điểm)</b>	<b>Hình thức đề cương luận văn và slide báo cáo: Bỏ cục hợp lý, bài trình bày đẹp, tác phong trình bày tốt</b>	<b>0,5 điểm</b>	
<b>Tổng điểm</b>		<b>.....điểm</b>	

*(Người hướng dẫn cần đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh)./.*

**Ghi chú:** Thành viên Hội đồng cho điểm theo thang điểm 10; lẻ tới 0,25 điểm  
Điểm đạt: từ 5,0 điểm trở lên

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....  
**NGƯỜI CHO ĐIỂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

# QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

(Kèm theo Quyết định số: 1602/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 10 năm 2021  
của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam  
về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ ngành Y học cổ truyền)

## Tiêu chuẩn của người hướng dẫn:

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

3. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

3. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;

4. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Học viện hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Học viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Học viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh./.

**PHIẾU TIÊU CHÍ XÉT NGƯỜI HƯỚNG DẪN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH**

*(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)*

*Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo  
dục và đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;*

*Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-HVYDHCTVN ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc  
ban hành quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Y học cổ truyền của Giám đốc Học viện  
Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;*

Họ và tên người dự kiến hướng dẫn nghiên cứu sinh:.....

Học hàm:..... Học vị:.....

Đơn vị công tác: .....

Giảng viên cơ hữu tại Học viện       Giảng viên thỉnh giảng tại Học viện

Họ và tên nghiên cứu sinh dự kiến hướng dẫn:.....

STT	Tiêu chuẩn	Có (Số lượng)	Không
<b>1. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ</b>			
1.1	- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi bổ sung năm 2018 *) và những quy định pháp luật khác có liên quan.		
1.2	- Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.		
1.3	- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.		
	- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài		

1.4. Có năng lực ngoại ngữ:	- Hoặc có chứng chỉ đào tạo ngắn hạn tại nước ngoài		
	- Hoặc có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.		
	- Hoặc có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố		
	- Hoặc có sách dịch tiếng nước ngoài của nhà xuất bản trong nước hoặc nước ngoài		
	- Hoặc có bài báo tiếng nước ngoài (đăng tạp chí trong nước hoặc quốc tế)		
	- Hoặc có sách tiếng nước ngoài xuất bản trong nước (nhà xuất bản uy tín có mã quốc tế)		
	- Hoặc có báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế bằng tiếng nước ngoài		
	- Hoặc đã tham gia các tổ chức hợp tác chuyên môn, nghề nghiệp quốc tế		
	- Hoặc được lãnh đạo nơi công tác xác nhận khả năng ngoại ngữ phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.		
- Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;			
- Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng			

1.5. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:	Giáo sư nhà nước quy định (sau đây gọi chung là tác giả chính)		
	- Hoặc trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính)		
	- Hoặc trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính)		
<b>2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:</b>			
2.1	- Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus)		
2.2	- Hoặc là tác giả chính của chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành.		
2.3	- Hoặc là tác giả chính của bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên.		
2.4	- Hoặc là tác giả chính của sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;		
	Các công bố mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm		



	tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);		
2.5	- Người dự kiến hướng dẫn là giảng viên cơ hữu tại Học viện		
	- Hoặc người dự kiến hướng dẫn có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Học viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.		
2.6. Tại cùng một thời điểm	- Người có chức danh GS hiện đang hướng dẫn độc lập số lượng nghiên cứu sinh.		
	- Hoặc người có chức danh PGS hiện đang hướng dẫn độc lập số lượng nghiên cứu sinh.		
	- Hoặc người có chức danh tiến sĩ khoa học hiện đang hướng dẫn độc lập số lượng nghiên cứu sinh.		
	- Hoặc người có chức danh tiến sĩ hiện đang hướng dẫn độc lập số lượng nghiên cứu sinh.		
	<i>Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh</i>		

**\* “ Điều 54. Giảng viên**

1. Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; có trình độ đáp ứng quy định của Luật này, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.
2. Chức danh giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư. Cơ sở giáo dục đại học bổ nhiệm chức danh giảng viên theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động, quy định về vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng của cơ sở giáo dục đại học.
3. Trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ, trừ chức danh trợ giảng; trình độ của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

sĩ là tiến sĩ. Cơ sở giáo dục đại học ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên; phát triển, ưu đãi đội ngũ giáo sư đầu ngành để phát triển các ngành đào tạo.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn và việc bổ nhiệm chức danh giảng viên theo thẩm quyền; tỷ lệ giảng viên cơ hữu tối thiểu của cơ sở giáo dục đại học; quy định tiêu chuẩn giảng viên thực hành, giảng viên của một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù.”

**Phụ lục 5**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI  
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ  
TUYỂN**

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

20

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
		Goethe Institut	-Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
3	Tiếng Đức	The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
		Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga			

Số: 925 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH British Council (Việt Nam) tại Hồ sơ đề nghị công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;*

*Căn cứ biên bản họp Hội đồng đánh giá chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL họp ngày 24 tháng 3 năm 2023;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL) tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).

**Điều 2.** Mức độ tương đương cụ thể như sau:

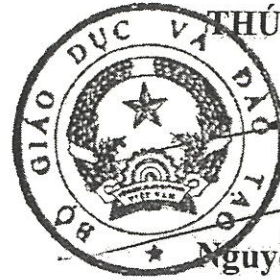
	<b>KNLNNVN</b>	<b>Aptis ESOL</b>
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hữu Độ

**Phụ lục 6:**

**Tiêu chí xét tuyển thạc sĩ định hướng nghiên cứu năm 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Xét tuyển: Gồm 2 phần

**Phần 1: Đánh giá hồ sơ dự tuyển như sau**

TT	Nội dung xét					Hồ sơ hiện có (đánh dấu ô thích hợp)	Đánh giá đạt	
	Kết quả học tập	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc			
1	Kết quả học tập	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc			
					Giỏi			
					Khá			
					TB/TBK			
2	Năng lực ngoại ngữ	Có năng lực ngoại ngữ Bậc 6/6 trở lên theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương						
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 5/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương						
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 4/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương						
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương						
3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Từ 24 tháng trở lên công tác trong ngành/chuyên ngành hoặc đang học một chương trình BSNT của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam						
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành						
		Từ 6 đến dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành						
		Mới tốt nghiệp đại học và công tác ít hơn 6 tháng						
4	Người dự kiến hướng dẫn Độc lập/Chính/Đồng hướng dẫn	Trong 60 tháng, là tác giả của bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus						
		Trong 60 tháng, không có công bố bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus nhưng đủ tiêu chuẩn hướng dẫn chính/độc lập/đồng hướng dẫn						

5	Kinh nghiệm và thành tích Nghiên cứu khoa học trong vòng 36 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HĐCDGSNN tính điểm	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
			Trên tạp chí khoa học khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
		Tham gia công trình nghiên cứu (Đã nghiệm thu)	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/Thành phố (Số đề tài x Thang điểm)	Tham gia		
			Đề tài cấp cơ sở (Số đề tài x thang điểm)	Chủ nhiệm đề tài		
				Thư ký đề tài		
		Thành tích Nghiên cứu khoa học	Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Thành phố			
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Trường/Bệnh viện			
		<b>Đánh giá phần 1</b>				



**Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: Tổng điểm tối thiểu  $\geq 5,0$**

**2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: Tối đa 3 điểm, chấm điểm lẻ đến 0,1**

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	0,1	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, khả thi	1,0	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ	1,0	
4	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	0,5	
<b>Tổng điểm tối đa phần 2.1</b>		<b>3,0</b>	

**2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (Thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi):  
Tối đa 7 điểm, chấm lẻ đến 0,1**

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: Nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin	1,0	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 10 phút (mỗi phút quá giờ trừ 0,1 điểm)	1,0	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (05 câu hỏi và mỗi câu trả lời được tính tối đa 1,0 điểm)	5,0	
<b>Tổng điểm tối đa phần 2.1</b>		<b>7,0</b>	

*\*Lưu ý: Người dự kiến hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng xét tuyển không đặt câu hỏi và chấm điểm*

*2*

## Phụ lục 7

# HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

----- \*\*\*\*\* -----

(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVYDCT ngày 05 tháng 3 năm 2024  
của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

## QUY ĐỊNH NHẬP HỌC Đối tượng: SAU ĐẠI HỌC

### I. Danh mục hồ sơ trúng tuyển nhập học

1. Giấy báo nhập học (Bản gốc);
2. Sơ yếu lý lịch (Đối với học viên là cán bộ được cử đi học: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của đơn vị quản lý nhân sự đồng ý cho đi học; đối với các trường hợp khác: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban xã/phường nơi cư trú và cam kết đi học);
3. Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học;  
Đối với học viên tốt nghiệp đại học tại nước ngoài, cần nộp văn bằng như sau:
  - Bằng học vị (đối với học viên tốt nghiệp đại học tại Trung Quốc);
  - Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học;
  - Giấy chứng nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng-Bộ Giáo dục và Đào tạo;
  - Chứng chỉ định hướng YHCT và Bảng điểm học định hướng (hoặc Chứng chỉ bổ sung kiến thức chọn lựa theo quy định).
4. Bản sao Giấy khai sinh;
5. Quyết định cử đi học của đơn vị có thẩm quyền quản lý nhân sự;
6. Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động;
7. Quyết định chuyển ngạch (đối với trường hợp ban đầu chưa là Bác sĩ);
8. Giấy chuyển sinh hoạt Đảng, đoàn và các giấy tờ khác (nếu có);
9. 04 ảnh 4x6 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì);
10. Thẻ căn cước công dân (Bản công chứng);
11. Chứng chỉ hành nghề BS YHCT (Đối với đối tượng nhập học là CK1 và CK2);
12. Xác nhận thâm niên công tác (Đối với đối tượng nhập học là CK1 và CK2);

13. Bằng tốt nghiệp Sau đại học và Bảng điểm (Đối với đối tượng nhập học là CK2);
14. Bài báo khoa học (đối với Thạc sĩ có bằng tốt nghiệp Đại học xếp loại trung bình);
15. Văn bằng ngoại ngữ hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam quy định hoặc các Chứng chỉ tương đương khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép còn hiệu lực;

**Ghi chú:**

1. Tất cả các giấy tờ khi nộp là bản sao công chứng hợp lệ;
2. Học viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ hồ sơ của cá nhân. Nếu phát hiện giấy tờ hồ sơ không hợp lệ, có yếu tố vi phạm, học viên đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**II. Phương thức, địa điểm, thời gian nộp hồ sơ**

- Nộp hồ sơ trực tiếp khi nhập học
- Địa điểm: Phòng Đào tạo sau đại học – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam Số 2 – Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077

Hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>.

- Thời gian nhận hồ sơ: Theo Thông báo trúng tuyển sau đại học

**III. Các khoản kinh phí cần nộp:**

1. Học phí:
2. Tiền làm thẻ học viên:
3. Lệ phí thư viện:
4. Bảo hiểm y tế:

Mức đóng theo các quy định về trong thông báo mức thu năm 2023 của Học viện

